

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: North-West Electric Investment And Development Joint Stock Company.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngự	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Văn Ngu
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Số: 76/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, được lập ngày 09/02/2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Thị Tiến**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+130+140+150)	100		88.636.449.813	38.534.057.757
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	69.068.749.743	23.363.676.911
1. Tiền	111		6.068.749.743	18.863.676.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.406.313.984	12.742.943.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.265.626.293	9.478.220.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		123.529.800	416.346.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.017.157.891	2.848.377.186
IV. Hàng tồn kho	140		1.791.833.788	1.705.657.298
1. Hàng tồn kho	141	5.4	1.791.833.788	1.705.657.298
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		369.552.298	721.779.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	261.842.368	721.779.667
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	107.709.930	-
B - (200=220+250+260)	200		634.655.212.927	689.058.537.287
II. Tài sản cố định	220		536.929.027.691	548.697.562.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	536.929.027.691	548.697.562.785
- Nguyên giá	222		774.869.886.962	769.161.128.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.940.859.271)	(220.463.566.076)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	90.809.860.000	130.679.860.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	130.679.860.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		90.809.860.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.916.325.236	9.681.114.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	6.916.325.236	9.681.114.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		723.291.662.740	727.592.595.044

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		219.460.476.727	241.151.509.019
I. Nợ ngắn hạn	310		107.179.999.854	87.919.563.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.884.949.467	7.746.958.573
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.815.185.871	3.724.812.435
4. Phải trả người lao động	314		2.059.978.074	1.519.497.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	274.391.859	282.345.124
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	67.613.389.634	47.873.668.423
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	26.885.799.118	24.929.020.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.646.305.831	1.843.262.051
II. Nợ dài hạn	330		112.280.476.873	153.231.945.041
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	111.854.400.000	152.138.640.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		426.076.873	1.093.305.041
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		503.831.186.013	486.441.086.025
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	503.831.186.013	486.441.086.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.201.922.128	78.814.857.755
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.732.503.975	50.870.609.935
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.469.418.153	27.944.247.820
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83.809.340	80.773.725
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		723.291.662.740	727.592.595.044

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	94.907.807.928	86.951.417.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		94.907.807.928	86.951.417.702
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	37.967.375.516	34.870.108.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		56.940.432.412	52.081.309.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.744.140.691	3.667.527.335
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.344.630.510	19.137.420.797
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.204.744.932	18.824.735.459
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	17.070.070
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.585.881.139	6.682.697.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		41.754.061.454	29.945.788.037
11. Thu nhập khác	31	6.6	500.000	44.037.550
12. Chi phí khác	32	6.6	34.927.297	686.009.682
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(34.427.297)	(641.972.132)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		41.719.634.157	29.303.815.905
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.914.408.557	1.534.675.856
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(667.228.168)	(175.929.280)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		38.472.453.768	27.945.069.329
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		38.469.418.153	27.944.247.820
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.035.615	821.509
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	950	670

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.719.634.157	29.303.815.905
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		17.477.293.195	17.269.654.168
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		139.885.578	312.685.338
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.744.140.691)	(3.688.825.864)
- Chi phí lãi vay	06		12.204.744.932	18.824.735.459
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		66.797.417.171	62.022.065.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.374.783.116)	6.086.960.550
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(86.176.490)	18.689.377
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.116.464.873)	(5.574.007.339)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.224.726.565	3.069.206.716
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.255.851.376)	(19.043.830.940)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.278.007.770)	(1.461.240.024)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.029.310.000)	(10.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.881.550.111	45.107.143.346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.708.758.101)	(36.380.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	540.714.158
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.080.000.000)	(134.829.860.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		74.000.000.000	179.559.415.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.455.553.704	9.254.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		59.666.795.603	45.243.143.549
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.420.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.747.460.882)	(66.867.235.126)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.515.812.000)	(463.125.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.843.272.882)	(67.330.360.126)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		45.705.072.832	23.019.926.769
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.363.676.911	343.750.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	69.068.749.743	23.363.676.911

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026
 Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngự

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: North-West Electric Investment And Development Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng lao động của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 51 người (tại ngày 31/12/2024 là 51 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty con như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,91%	99,91%	99,91%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31/12/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính ngày 31/12/2025 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 03 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Hệ thống đập Nhà máy thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty con được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy Thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La có địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ do đó được hưởng các ưu đãi về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư số 67/2014/QH13. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 363884504 chứng nhận lần đầu ngày 10/6/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 06/11/2017, Công ty con được:

- Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2032)
- Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2021).
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến hết năm 2030).

Năm 2025 là năm thứ 8 Công ty con được hưởng mức thuế TNDN là 10% và năm thứ tư hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính là sản xuất kinh doanh điện trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	154.133.102	7.030.671
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.914.616.641	18.856.646.240
Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	4.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới không quá 3 tháng (*)	63.000.000.000	4.500.000.000
Tổng	69.068.749.743	23.363.676.911

(*) Gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai với lãi suất 4,75%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	11.265.626.293	9.478.220.195
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.265.626.293	9.478.220.195
Tổng	11.265.626.293	9.478.220.195

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	6.017.157.891	-	2.848.377.186	-
Tạm ứng	5.810.808.113	-	1.933.000.087	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	7.000.000	-	7.000.000	-
Phải thu lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	166.444.931	-	877.857.944	-
Phải thu khác	32.904.847	-	30.519.155	-
Tổng	6.017.157.891	-	2.848.377.186	-

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	621.382.349	-	657.426.558	-
Công cụ, dụng cụ	1.170.451.439	-	1.048.230.740	-
Tổng	1.791.833.788	-	1.705.657.298	-

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	261.842.368	721.779.667
Công cụ, dụng cụ	3.553.424	-
Chi phí bảo hiểm công trình	170.513.942	219.104.571
Chi phí sửa chữa văn phòng	11.274.998	322.798.612
Chi phí chờ phân bổ khác	76.500.004	179.876.484
Dài hạn	6.916.325.236	9.681.114.502
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi)	659.765.465	774.507.281
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	3.743.469.414	4.704.580.817
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	535.626.037	1.222.900.988
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sỏi	-	443.351.260
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	118.742.554	194.308.414
Chi phí chờ phân bổ khác	1.858.721.766	2.341.465.742
Tổng	7.178.167.604	10.402.894.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bán Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2025	526.832.765.608	236.039.449.968	4.900.126.330	1.388.786.955	769.161.128.861
Tăng trong năm	4.152.185.374	34.100.000	1.522.472.727	-	5.708.758.101
Mua trong năm	-	34.100.000	1.522.472.727	-	1.556.572.727
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.152.185.374	-	-	-	4.152.185.374
Số dư tại 31/12/2025	530.984.950.982	236.073.549.968	6.422.599.057	1.388.786.955	774.869.886.962
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	146.984.751.161	70.587.944.332	1.502.083.628	1.388.786.955	220.463.566.076
Tăng trong năm	11.721.934.764	5.212.694.933	542.663.498	-	17.477.293.195
Khấu hao trong năm	11.721.934.764	5.212.694.933	542.663.498	-	17.477.293.195
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	158.706.685.925	75.800.639.265	2.044.747.126	1.388.786.955	237.940.859.271
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	379.848.014.447	165.451.505.636	3.398.042.702	-	548.697.562.785
Tại 31/12/2025	372.278.265.057	160.272.910.703	4.377.851.931	-	536.929.027.691

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 531.238.392.565 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 548.541.902.605 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 10.365.674.191 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 9.481.374.191 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	-	-
Tại 31/12/2025	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 360.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TỬ BẮC

Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ		31/12/2025		01/01/2025	
Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)		-	-	130.679.860.000	130.679.860.000
Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình (2)		-	-	76.729.860.000	76.729.860.000
		-	-	53.950.000.000	53.950.000.000
Tổng		-	-	130.679.860.000	130.679.860.000
Tỷ lệ		31/12/2025		01/01/2025	
Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)	18,40%	90.809.860.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường (3)	11,00%	76.729.860.000	-	-	-
		14.080.000.000	-	-	-
Tổng		90.809.860.000	(*)	-	(*)

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tăng vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 30% xuống 18,4%. Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Tại ngày 31/12/2025 việc chuyển nhượng chưa hoàn thành, Công ty đang sở hữu 3.690.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc.

(2) Chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Thời hạn thanh toán hết số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng trước ngày 30/12/2024. Hợp đồng chuyển nhượng đã được thanh lý tại ngày 27/02/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(3) Bao gồm các giao dịch:

- Nhận chuyển nhượng 150.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 1,875% vốn điều lệ từ Ông Phạm Viết Cường với giá trị chuyển nhượng là 2.400.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
- Nhận chuyển nhượng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 2,5% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Xuân Phương với giá trị chuyển nhượng là 3.200.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
- Nhận chuyển nhượng 280.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 3,5% vốn điều lệ từ Ông Nguyễn Văn Sơn với giá trị chuyển nhượng là 4.480.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
- Nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 1,25% vốn điều lệ từ bà Nghiêm Thị Hân với giá trị chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).
- Nhận chuyển nhượng 150.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thủy điện To Buông tương đương 1,875% vốn điều lệ từ bà Trần Hoài Nam với giá trị chuyển nhượng là 2.400.000.000 đồng (Tương ứng 16.000 đồng/cổ phần).

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.884.949.467	4.884.949.467	7.746.958.573	7.746.958.573
Công ty TNHH CN nặng	2.692.854.307	2.692.854.307	2.608.527.141	2.608.527.141
quảng phát Nam Ninh	1.774.169.774	1.774.169.774	1.718.611.362	1.718.611.362
Swiss Carbon Assets Ltd	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	417.925.386	417.925.386	419.820.070	419.820.070
Phải trả người bán khác				
Tổng	4.884.949.467	4.884.949.467	7.746.958.573	7.746.958.573

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng	2.692.854.307	2.692.854.307	2.608.527.141	2.608.527.141
quảng phát Nam Ninh				
Tổng	2.692.854.307	2.692.854.307	2.608.527.141	2.608.527.141

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	3.724.812.435	26.122.377.753	26.032.004.317	3.815.185.871
Thuế giá trị gia tăng	808.499.591	7.722.773.039	7.503.238.037	1.028.034.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.534.675.856	3.914.408.557	4.170.297.840	1.278.786.573
Thuế thu nhập cá nhân	370.140.552	969.514.683	1.229.970.862	109.684.373
Thuế tài nguyên	358.523.756	9.340.173.910	9.215.343.226	483.354.440
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	652.972.680	4.147.110.264	3.907.154.352	892.928.592
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	28.397.300	6.000.000	22.397.300
Phải thu	-	-	107.709.930	107.709.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	107.709.930	107.709.930

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuê kênh trắng Viettel	-	13.636.364
Lãi vay phải trả	128.745.915	179.852.359
Chi phí khác	145.645.944	88.856.401
Tổng	274.391.859	282.345.124

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Ngắn hạn	67.613.389.634	47.873.668.423
Kinh phí công đoàn	349.531.801	394.298.590
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	62.729.000.000	42.679.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	3.477.352.000	2.743.164.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.057.505.833	2.057.205.833
Tổng	67.613.389.634	47.873.668.423

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021, 2022 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

(**) Khoản đặt cọc của Ông Trần Văn Huyền về việc ông Trần Văn Huyền nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo, ông Huyền sẽ chịu lãi chậm thanh toán trên giá trị chưa thanh toán theo Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuế tài chính

5.13	Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2025			Phát sinh trong năm			01/01/2025		Đơn vị tính: VND
		Số có khả			Tăng		Giảm	Giá trị	Số có khả	
		Giá trị	năng trả nợ							
	Vay ngắn hạn	26.885.799.118	26.885.799.118		30.170.000.000	28.213.220.882		24.929.020.000	24.929.020.000	
	Vay ngắn hạn cá nhân Ông Trần Văn Trung	1.070.000.000	1.070.000.000		4.420.000.000	3.350.000.000		-	-	
	Ông Nguyễn Viết Cường (4)	-	-		3.350.000.000	3.350.000.000		-	-	
	Ông Nguyễn Văn Đến hạn trả	1.070.000.000	1.070.000.000		1.070.000.000	-		-	-	
	Vay dài hạn đến hạn trả	25.815.799.118	25.815.799.118		25.750.000.000	24.863.220.882		24.929.020.000	24.929.020.000	
	(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	4.840.000.000	4.840.000.000		4.840.000.000	4.840.000.000		4.840.000.000	4.840.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	4.840.000.000	4.840.000.000		4.840.000.000	4.840.000.000		4.840.000.000	4.840.000.000	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	3.160.000.000	3.160.000.000		3.160.000.000	3.160.000.000		3.160.000.000	3.160.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	3.160.000.000	3.160.000.000		3.160.000.000	3.160.000.000		3.160.000.000	3.160.000.000	
	(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	9.500.000.000	9.500.000.000		9.500.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	5.620.000.000	5.620.000.000		5.620.000.000	4.590.000.000		4.590.000.000	4.590.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	5.620.000.000	5.620.000.000		5.620.000.000	4.590.000.000		4.590.000.000	4.590.000.000	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	3.880.000.000	3.880.000.000		3.880.000.000	4.410.000.000		4.410.000.000	4.410.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	3.880.000.000	3.880.000.000		3.880.000.000	3.302.000.000		3.302.000.000	3.302.000.000	
	Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNS	-	-		-	1.108.000.000		1.108.000.000	1.108.000.000	
	(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đô	-	-		-	229.020.000		229.020.000	229.020.000	
	Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-		-	229.020.000		229.020.000	229.020.000	
	(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	8.315.799.118	8.315.799.118		8.250.000.000	7.634.200.882		7.700.000.000	7.700.000.000	
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhụ (3)	8.315.799.118	8.315.799.118		8.250.000.000	7.634.200.882		7.700.000.000	7.700.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huồi Một, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2025				Phát sinh trong năm			01/01/2025	
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	111.854.400.000	111.854.400.000			-	40.284.240.000	152.138.640.000	152.138.640.000	
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	24.937.000.000	24.937.000.000			-	13.940.000.000	38.877.000.000	38.877.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	15.187.515.000	15.187.515.000			-	8.470.000.000	23.657.515.000	23.657.515.000	
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	15.187.515.000	15.187.515.000			-	8.470.000.000	23.657.515.000	23.657.515.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	9.749.485.000	9.749.485.000			-	5.470.000.000	15.219.485.000	15.219.485.000	
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	9.749.485.000	9.749.485.000			-	5.470.000.000	15.219.485.000	15.219.485.000	
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	49.617.400.000	49.617.400.000			-	18.000.000.000	67.617.400.000	67.617.400.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	24.306.000.000	24.306.000.000			-	10.220.000.000	34.526.000.000	34.526.000.000	
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	24.306.000.000	24.306.000.000			-	10.220.000.000	34.526.000.000	34.526.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	25.311.400.000	25.311.400.000			-	7.780.000.000	33.091.400.000	33.091.400.000	
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	25.311.400.000	25.311.400.000			-	7.780.000.000	33.091.400.000	33.091.400.000	
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đô	-	-			-	94.240.000	94.240.000	94.240.000	
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-			-	94.240.000	94.240.000	94.240.000	
(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	37.300.000.000	37.300.000.000			-	8.250.000.000	45.550.000.000	45.550.000.000	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (3)	37.300.000.000	63.650.000.000			-	8.250.000.000	45.550.000.000	45.550.000.000	
Tổng	138.740.199.118	138.740.199.118			30.170.000.000	68.497.460.882	177.067.660.000	177.067.660.000	

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;

- Thời hạn vay: 228 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của Nhà máy Thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTĐ ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTĐ ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTĐ là 10.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;

- Thời hạn vay: 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5: Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 01/2017-HDCVDADT/NHCT322-NCSSL ngày 12 tháng 09 năm 2017 với số tiền tối đa là 90.000.000.000 đồng và không vượt quá 69,8% tổng chi phí đầu tư thực tế (không gồm VAT). Thời hạn vay tối đa 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên không vượt quá 31/08/2030. Hình thức cho vay: Cho vay theo từng lần theo dự án đầu tư. Lãi suất của hợp đồng là lãi suất điều chỉnh, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/HDTCTDA/NHCT322-NCSSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017 và động sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/HDTCTDA/NHCT322-NCSSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017.
- (4) Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2025/PVC-NCSSL ngày 10/12/2025 giữa Ông Phạm Viết Cường và Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La. Số tiền vay tối đa là 1.100.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Trả nợ gốc, lãi vay của khoản vay tại Vietinbank Chi nhánh Đô Thành và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: Tối đa là 03 tháng, kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: 7,5%/năm (Bằng lãi suất vay vốn của Công ty CP Thủy điện Nậm Công Sơn La tại Vietinbank Chi nhánh Đô Thành). Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với phần dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	50.893.802.471	156.759.680	458.596.016.696
Lãi trong năm trước	-	-	27.944.247.820	821.509	27.945.069.329
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	(23.192.536)	(76.807.464)	(100.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	78.814.857.755	80.773.725	486.441.086.025
Số dư tại 01/01/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	78.814.857.755	80.773.725	486.441.086.025
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	38.469.418.153	3.035.615	38.472.453.768
Chia cổ tức (*)	-	-	(20.250.000.000)	-	(20.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(832.353.780)	-	(832.353.780)
Số dư tại 31/12/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	96.201.922.128	83.809.340	503.831.186.013

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 832.353.780 VND và trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5% từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2023 số tiền 20.250.000.000 đồng.

1984
TY
IÂN
VÀ
N DI
ẮC
T. S
0101
NG T
NH
1 TO
/IETN
Ả NỘ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ông Trần Văn Ngu	139.378.500.000	139.378.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng	63.170.000.000	63.170.000.000
Các cổ đông khác	202.451.500.000	202.451.500.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	20.250.000.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	94.907.807.928	86.951.417.702
Tổng	94.907.807.928	86.951.417.702

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn điện thương phẩm	37.967.375.516	34.870.108.486
Tổng	37.967.375.516	34.870.108.486

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.157.131.784	9.254.391
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.780.415.000
Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	3.587.008.907	877.857.944
Tổng	4.744.140.691	3.667.527.335

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty cổ phần SHP Ninh Bình giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	12.204.744.932	18.824.735.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	139.885.578	312.685.338
Tổng	12.344.630.510	19.137.420.797

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.585.881.139	6.682.697.787
Chi phí nhân viên quản lý	3.766.873.327	4.028.133.187
Chi phí vật liệu quản lý	708.827.143	194.956.795
Chi phí đồ dùng văn phòng	729.085.605	389.794.344
Chi phí khấu hao TSCĐ	427.824.510	299.554.646
Thuế phí và lệ phí	100.518.513	77.640.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.252.437	1.116.945.254
Chi phí bằng tiền khác	832.499.604	575.672.777
Tổng	7.585.881.139	6.682.697.787

6.6 Thu nhập khác/chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	-	39.809.091
Thanh lý tài sản	-	4.228.459
Thu nhập khác	500.000	-
Tổng	500.000	44.037.550
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt liên quan đến nghĩa vụ thuế	-	36.237.085
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm, truy thu thuế	25.446.113	346.000.456
Ứng hộ xây dựng khu tâm linh đền thờ Liệt sỹ	-	300.000.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	-
Chi phí khác	9.481.184	3.772.141
Tổng	34.927.297	686.009.682
Lợi nhuận khác	(34.427.297)	(641.972.132)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.914.408.557	1.534.675.856
Tổng	3.914.408.557	1.534.675.856

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	38.472.453.768	27.945.069.329
Lợi ích của cổ đông thiểu số	3.035.615	821.509
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(832.353.780)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	38.469.418.153	27.111.894.040
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	40.500.000	40.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	950	669

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 832.353.780 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ 690 VND/cổ phiếu xuống còn 670 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2024 (Đã trình bày)	Năm 2024 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	27.945.069.329	27.945.069.329	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	821.509	821.509	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(832.353.780)	(832.353.780)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.944.247.820	27.111.894.040	(832.353.780)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	40.500.000	40.500.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	690	669	(21)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.843.186.289	1.480.959.626
Chi phí nhân công	16.135.686.143	14.388.813.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.477.293.195	17.269.654.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.819.534.735	6.544.691.680
Chi phí khác bằng tiền	2.277.556.293	1.775.435.386
Tổng	45.553.256.655	41.459.554.012

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Tại ngày 31/12/2025, các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển An Khánh Hưng	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	Thu nhập	3.804.382.229	2.997.763.927

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị		1.290.205.341	1.048.441.457
Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch HĐQT	693.864.085	336.948.667
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	524.341.256	257.902.000
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	48.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	216.531.409
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	207.059.381
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	30.000.000
Ban Tổng Giám đốc		984.342.271	619.440.306
Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc	484.838.589	239.902.000
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc	499.503.682	255.682.735
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)	-	123.855.571
Ban Kiểm soát		1.079.694.571	785.109.257
Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban	428.829.282	206.363.559
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	138.311.090	-
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên	488.554.199	241.598.286
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	30.000.000
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	214.807.412
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	62.340.000
Người quản lý khác		450.140.046	544.772.907
Ông Đoàn Văn Hiếu	Kế toán trưởng	450.140.046	128.072.044
Ông Phạm Văn Thoá	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 10/7/2024 và miễn nhiệm ngày 02/11/2024)	-	282.482.863
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)	-	134.218.000
Tổng		3.804.382.229	2.997.763.927

7.2 Thông tin khác

➤ **Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu và trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 của Hội đồng Quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.670.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 56.700.000.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 50:7 (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 50:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, mỗi cổ đông sở hữu 50 quyền sẽ nhận thêm 07 cổ phần);
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 46.170.000 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 461.700.000.000 đồng.

Công ty đang tạm dừng thực hiện đợt phát hành theo Công văn số 4981/UBCK-QLCB ngày 05/09/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc dừng xử lý tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty và Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 27/8/2025 phê duyệt tạm dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 để triển khai vào thời điểm khác phù hợp hơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh


Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngu

